

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

TIẾNG ANH LỚP 4

Global Success · Kết nối tri thức · Bộ 1 · 35 phút nghe/đọc/viết · Nói riêng 3–5 phút

Trọng tâm Unit 11–20: thời tiết, chỉ đường, mua sắm, con vật và hoạt động trại hè; ôn gia đình, nghề nghiệp.

Họ và tên: Lớp:

Bộ ôn tập tự biên soạn, thang 10 điểm. Người lớn đọc mỗi lời nghe hai lần, nghỉ khoảng 5 giây; phần nói làm riêng 3–5 phút. Hướng dẫn tiếng Việt có thể đọc giúp học sinh.

I. LISTENING · Nghe

Câu 1 (0,5 điểm). What is the weather like?

- A. sunny B. rainy C. windy

Câu 2 (0,5 điểm). Where is the bookshop?

- A. opposite the bakery B. next to the bakery C. behind the bakery

Câu 3 (0,5 điểm). How much is the T-shirt?

- A. 40,000 dong B. 50,000 dong C. 60,000 dong

Câu 4 (0,5 điểm). What are they doing?

- A. playing chess B. building a campfire C. dancing

II. READING · Đọc

Câu 5 (0,5 điểm). How can I get to the bookshop? — Go _____ and turn left.

- A. straight B. weather C. sunny

Câu 6 (0,5 điểm). What are they doing? — They _____ singing.

- A. is B. am C. are

Read the text. Đọc đoạn văn để làm câu 7–9.

It is sunny today. Mai and her friends are at summer camp. Mai is playing badminton. Ben is building a campfire with his teacher. Lucy is singing. They like the camp. On Sundays, Mai goes to the zoo with her family. She likes giraffes because they are tall. Her brother likes monkeys because they are funny.

Ngữ liệu mới do bộ đề biên soạn.

Câu 7 (0,5 điểm). What is Mai doing at the camp?

- A. Singing B. Playing badminton C. Building a campfire

Câu 8 (0,5 điểm). Why does Mai like giraffes?

- A. Because they are tall B. Because they are funny C. Because they are small

Câu 9 (1 điểm). Read and answer.

a) What is the weather like today?

b) Which animals does Mai's brother like?

III. WRITING · Viết

Câu 10 (1 điểm). Reorder the words. Sắp xếp thành câu:

a) is / The bookshop / next to the bakery.

b) are / They / playing tug of war.

Câu 11 (2 điểm). Write about a day at camp. Viết 3–4 câu: thời tiết thế nào, em và hai bạn đang làm gì. Có thể tưởng tượng bằng từ, mẫu câu đã học.

IV. SPEAKING · Nói

Câu 12 (2 điểm). Talk to your teacher. Trả lời về thời tiết và con vật em thích, nêu một lý do đơn giản.

ĐÁP ÁN · LỜI ĐỌC · HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề ôn tập cuối học kì II Tiếng Anh 4 Global Success – Bộ 1

Phần nghe: cho học sinh xem lựa chọn 20 giây, đọc chậm rõ mỗi lời hai lần, cách nhau 5 giây; chờ 5 giây trước câu kế. Không đọc tên chữ A/B/C hoặc đáp án. Có thể đọc giúp hướng dẫn tiếng Việt. Phần nói: chấm trực tiếp, ưu tiên hiểu và giao tiếp.

Câu 1 · 0,5 điểm

B. rainy

Lời đọc: What's the weather like today? It's rainy.

- Nghe rainy.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 2 · 0,5 điểm

A. opposite the bakery

Lời đọc: Where's the bookshop? It's opposite the bakery.

- Nghe opposite the bakery.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 3 · 0,5 điểm

C. 60,000 dong

Lời đọc: How much is this T-shirt? It's sixty thousand dong.

- Sixty thousand dong là 60,000 dong.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 4 · 0,5 điểm

B. building a campfire

Lời đọc: What are they doing? They're building a campfire.

- Nghe building a campfire.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 5 · 0,5 điểm

A. straight

- Go straight là đi thẳng.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 6 · 0,5 điểm

C. are

- They đi với are.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 7 · 0,5 điểm

B. Playing badminton

- Mai đang chơi cầu lông.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 8 · 0,5 điểm

A. Because they are tall

- Đoạn đọc nêu lý do cao.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 9 · 1 điểm

a) Sunny. / It is sunny. b) Monkeys. / He likes monkeys.

- Dựa vào thông tin được nêu trong đoạn đọc.

Mỗi ý trả lời đúng 0,5 điểm; chấp nhận câu ngắn hoặc câu đầy đủ đúng nghĩa.

Câu 10 · 1 điểm

a) The bookshop is next to the bakery.; b) They are playing tug of war.

- The bookshop is next to the bakery.
- They are playing tug of war.

Mỗi câu đúng 0.5 điểm; chấp nhận dấu câu và dạng viết hoa phù hợp.

Câu 11 · 2 điểm

It is sunny. I am playing badminton. Lan is singing. Nam is building a campfire with a teacher.

- Đây là bài mẫu minh họa, không phải đáp án duy nhất.
- Chấm theo yêu cầu và ý của học sinh, không bắt buộc dùng các tên riêng hoặc chi tiết trong bài mẫu.

Đủ các ý được yêu cầu: 1 điểm. Mẫu câu và từ phù hợp: 0,5 điểm. Viết rõ, dùng chữ hoa và dấu câu phù hợp: 0,5 điểm.

Câu 12 · 2 điểm

Ví dụ: It is sunny. I like monkeys because they are funny.

- Hỏi “What’s the weather like today?”, “What animals do you like?”, “Why do you like them?” Chấp nhận lý do phù hợp với con vật.
- Đáp án là ví dụ. Chấp nhận câu trả lời đúng với học sinh; không yêu cầu nói giống hết mẫu.

Nội dung phù hợp yêu cầu: 1 điểm. Nói rõ từ/câu để người nghe hiểu: 1 điểm. Không đòi hỏi giọng bản ngữ.

Nguồn đối chiếu và cách sử dụng

Đề ôn tập tự biên soạn sau khi học dạng bài của đề cũ và đối chiếu phạm vi. Thang điểm riêng của bộ đề; không phải đề chính thức của trường hoặc nhà xuất bản. Phần nghe dùng lời đọc mới ở trên, chưa có tệp âm thanh đi kèm. Câu mở chấp nhận cách trả lời khác đúng.

- [Đề giữa HKII Tiếng Anh 4 Global Success, năm học 2023–2024](#)
- [Đề cương Tiếng Anh 4 HKII – Loigiaihay, PDF tháng 4/2025](#)
- [Đối chiếu Unit 20 lớp 4 – VietJack](#)
- [Mục lục Unit 1–20 Tiếng Anh 4 Global Success – VnDoc](#)